TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/ST–HNGĐ
Ngày 22 tháng 01 năm 2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Doãn Xuân và ông La Văn Liệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2025/TLST–HNGĐ ngày 24/11/2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Trà M** – Sinh năm: 1995

Nơi đăng ký HKTT: Thôn K 1, xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn*: Anh **Trần Anh T** – Sinh năm: 1994

Nơi đăng ký HKTT: Thôn K 1, xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Trà M vắng mặt, tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Trà M trình bày:

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Anh T kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã Y, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 2 con chung. Đến năm 2024 thì mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống

ly thân từ năm 2024 cho đến hiện nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 19/08/2016 và TrầnNhật A sinh ngày 01/4/2019. Nay ly hôn chị Trần Thị Trà M đồng ý để cho anh Trần Anh T nuôi con và chị cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng /01 tháng/01 con. Nếu chị M nuôi con thì anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng /01 tháng/01 con (3.000.000 đồng/01 tháng/02 con). Về tài sản chung và nợ: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Anh T vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày:

Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Anh T kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã Y, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 02 con. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến hiện nay. Nay chị M làm đơn xin ly hôn thì anh T không muốn ly hôn nhưng nếu chị M vẫn nhất quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con nuôi chung: Có 02 con chung là Trần Thị Bảo T, sinh ngày: 19/08/2016 và TrầnNhật A sinh ngày 01/4/2019. Nay ly hôn anh Trần Anh T đồng ý để chị Trần Thị Trà M nuôi 2 con và anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng /01 tháng/ 01 con (3.000.000 đồng/01 tháng/02 con). Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Thị Bảo T trình bày: Bố cháu là Trần Anh T, mẹ cháu là Trần Thị Trà M. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu là Trần Thị Trà M.

- Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Trần Thị Trà M được ly hôn anh Trần Anh T; Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị Bảo T sinh ngày: 19/08/2016 và TrầnNhật A sinh ngày 01/4/2019 cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi mỗi con 1.500.000 đồng /01 tháng/ 01 con (3.000.000 đồng/01 tháng/02 con); Về án phí: Chị Trần Thị Trà M phải chịu án phí ly hôn, anh Trần Anh T phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", bị đơn cư trú tại xã A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Anh T kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã Y, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 02 người con chung, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Hiện tại chị M không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2024, nay chị M yêu cầu ly hôn thì bản thân anh T không muốn ly hôn nhưng nếu chị M vẫn nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị M và anh T đã có mâu thuẫn và đã sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị M và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh T là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị M.

.

[2.2] Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị Trần Thị Trà M và anh Trần Anh T có 02 con chung Trần Thị Bảo T sinh ngày:

19/08/2016 và TrầnNhật A sinh ngày 01/4/2019. Nay ly hôn chị M có ý kiến nuôi cả 2 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con (3.000.000 đồng/01 tháng/02 con) và anh T cũng đồng ý để chị Trần Thị Trà M nuôi cả 02 con và đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con (3.000.000 đồng/01 tháng/02 con). Vì vậy, cần giao cháu Trần Thị Bảo T sinh ngày: 19/08/2016 và TrầnNhật A sinh ngày 01/4/2019 cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của các con. Anh Trần Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con (3.000.000 đồng/01 tháng/02 con), thi hành kể từ ngày 22/01/2026 đến khi 02 con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị Trà M và anh Trần Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Trà M phải chịu án phí ly hôn, anh Trần Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

*** Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Cho chị Trần Thị Trà M được ly hôn với anh Trần Anh T.

- ***Về nuôi con chung:*** Giao con chung 02 con chung Trần Thị Bảo T sinh ngày: 19/08/2016 và TrầnNhật A sinh ngày 01/4/2019 cho chị Trần Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- ***Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:*** Anh Trần Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/01tháng/01con (3.000.000 đồng/01tháng/02 con), thi hành kể từ ngày 22/01/2026 đến khi 02 con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về án phí:*** Chị Trần Thị Trà M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003107 ngày 24/11/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Nghệ An). Anh Trần Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 ;
- Phòng THADS Khu vực 9;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng